

Số: /BC-UBND

Tiên Động, ngày 08 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính Quý III năm 2023

Thực hiện Công văn số 281/UBND-NV ngày 07 tháng 3 năm 2022 của UBND huyện Tứ Kỳ về việc triển khai thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ. UBND xã Tiên Động báo cáo kết quả triển khai, thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính Quý III năm 2023, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Căn cứ Kế hoạch số 52/KH-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2022 về cải cách hành chính nhà nước xã Tiên Động năm 2023. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cán bộ, công chức; UBND xã đã phân công cụ thể trách nhiệm cho từng cán bộ, công chức thực hiện các nhiệm vụ ở từng nội dung: cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công, xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, chính quyền số.

Trong Quý III năm 2023, UBND xã tiếp tục chủ động và nghiêm túc trong việc quán triệt, triển khai thực hiện công tác CCHC đã xây dựng đầy đủ các kế hoạch theo chỉ đạo của cấp trên cụ thể :

- Kế hoạch số: 51/KH-UBND ngày 30/12/2022 về triển khai thực hiện Đề án “Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025” năm 2023.
- Kế hoạch số: 52/KH-UBND ngày 30/12/2022 về công tác cải cách hành chính xã Tiên Động năm 2023.
- Kế hoạch số: 04/ KH-UBND ngày 16/02/2023 về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; nâng cao đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức năm 2023.
- Kế hoạch số: 05/KH-UBND ngày 20/02/2023 về đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2023.
- Kế hoạch số: 06/KH-UBND ngày 20/02/2023 về triển khai, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng năm 2023.
- Kế hoạch số: 12-KH-UBND, ngày 28/02/2023 về kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã Tiên Động năm 2023.
- Kế hoạch số: 13/KH-UBND ngày 02/3/2023 về tự kiểm tra thực hiện cải cách hành chính năm 2023.
- Kế hoạch số: 14/KH-UBND thi đua khen thưởng gắn với CCHC năm 2023.
- Kế hoạch số: 18/KH-UBND ngày 07/3/2023 rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023.

Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 10/3/2023 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023.

Việc tuân thủ và triển khai các nội dung chỉ đạo CCHC của cấp huyện và cấp tỉnh được thực hiện đầy đủ và kịp thời.

UBND xã tuân thủ và triển khai các nội dung chỉ đạo CCHC của cấp huyện và cấp tỉnh cơ bản đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng thời gian quy định; đồng thời cụ thể hóa văn bản theo nội dung chỉ đạo của cấp trên để phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, địa phương.

UBND xã thường xuyên phát động thi đua - khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC.

2. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

UBND xã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 10/3/2023 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch 19/KH-UBND ngày 10/3/2023 về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan Nhà nước, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn xã Tiên Động năm 2023.

Đã thực hiện được 55 lượt tin, bài tuyên truyền qua hệ thống Đài truyền thanh xã; tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử xã; nhiều lượt tuyên truyền, quán triệt trong thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và hoạt động của Đảng ủy, HĐND, UBND, MTTQ và các đoàn thể. Truyền truyền trực tiếp khi tiếp nhận, giải quyết các TTHC, niêm yết công khai các TTHC; quy trình giải quyết,...

Số lượt tổ chức, cá nhân được tiếp nhận thông tin tuyên truyền về CCHC: Toàn thể cán bộ, công chức; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn; tổ chức, cử tri và Nhân dân trong xã.

Qua thực hiện công tác tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức; giúp tổ chức, công dân nắm bắt được mục đích, yêu cầu, nội dung trong công tác CCHC, từ đó tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện.

3. Thực hiện tự kiểm tra công tác cải cách hành chính tại cơ quan

UBND xã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 02/3/2023 về tự kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính năm 2023, trong đó cụ thể nội dung, hình thức, thời gian, người chịu trách nhiệm tổ chức tự kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính nhà nước năm 2023 ở từng nội dung, lĩnh vực.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

a) UBND xã đã ban hành các văn bản để chủ động thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, cụ thể:

Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 22/02/2023 thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn xã Tiên Động năm 2023.

- Kế hoạch số 08/KH - UBND ngày 22/02/2023 về triển khai thực hiện Đề án “ Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” trên địa bàn xã Tiên Động.

- Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 22/02/2023 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023.

- Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 23/02/2023 về công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính năm 2023 trên địa bàn xã Tiên Động.

- Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 23/02/2023 thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và thực hiện Đề án nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn xã Tiên Động năm 2023.

- Kế hoạch số 24/KH-UBND, ngày 04/04/2023 thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác bồi thường nhà nước năm 2023 trên địa bàn xã Tiên Động

- Kế hoạch số 26/KH-UBND, ngày 06/4/2023 thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Tiên Động .

- Kế hoạch số 27/KH-UBND, ngày 06/4/2023 Hoạt động của Ban chỉ đạo phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật xã Tiên Động năm 2023,

Bên cạnh việc ban hành các văn bản nêu trên, UBND xã đã chỉ đạo, quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện đầy đủ các kế hoạch, các văn bản chỉ đạo của UBND, Hội đồng Phổ biến Giáo dục Pháp luật, Phòng Tư pháp huyện liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn xã.

UBND xã giao Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã chủ động tham mưu xây dựng, ban hành và triển khai tổ chức thực hiện các kế hoạch với mục đích phổ biến kịp thời, sâu rộng những quy định pháp luật mới ban hành đến cán bộ, Nhân dân nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật và áp dụng pháp luật, góp phần làm giảm dần và hạn chế mức thấp nhất tình trạng vi phạm pháp luật trong cán bộ và Nhân dân. Nâng cao vai trò của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội... trong việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

b) Việc thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý của UBND xã:

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật luôn được UBND xã quan tâm, chỉ đạo. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trên hệ thống loa truyền thanh, cổng thông tin điện tử của xã, qua các tổ chức chính trị - xã hội, lồng ghép trong các buổi tuyên truyền của các ngành đoàn thể và qua giải quyết các công việc trực tiếp với nhân dân. Tuyên truyền cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn xã tham gia cùng thực hiện tốt hiến pháp và pháp luật Việt Nam và các chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kiểm soát thủ tục hành chính

UBND xã xây dựng, ban hành và triển khai các kế hoạch gồm:

Ngày 28/2/2023 UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND Kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2023.

Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 07/03/2023 của UBND xã Tiên Động về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn xã Tiên Động năm 2023.

Chỉ đạo cán bộ, công chức chuyên môn trong quá trình tham mưu và trực tiếp giải quyết các TTHC chủ động thực hiện việc rà soát, cập nhật, thống kê các thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ trong bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp xã để kịp thời niêm yết công khai; phát hiện, kiến nghị cấp trên sửa đổi, bãi bỏ, thay thế các quy định TTHC không còn phù hợp, gây khó khăn, cản trở cho việc thực hiện của tổ chức, công dân. Bộ mã QR- code niêm yết công khai 142 mã QR-code tương ứng với 34 lĩnh vực giải quyết TTHC như Hộ tịch, Chứng thực, Đất đai, Tiếp công dân, Thi đua khen thưởng, BTXH... Trong mỗi mã QR Code sẽ có đầy đủ nội dung về TTHC, thông tin chung về TTHC, công dân chỉ cần dùng điện thoại thông minh sử dụng ứng dụng Zalo hoặc một ứng dụng quét mã QR Code bất kỳ để quét mã QR Code sau đó nhấn link truy cập thông tin TTHC để tìm hiểu và nộp hồ sơ trực tuyến, tiện lợi hơn nhiều so với phương thức tra cứu thông tin trên bảng niêm yết bằng giấy truyền thống. Việc niêm yết TTHC bằng mã QR Code được niêm yết song song với bộ niêm yết TTHC giấy, thuận tiện cho việc tiếp cận DVC trực tuyến.

Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC:

- Số lượng TTHC được rà soát: 05
- Số lượng TTHC đã được phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa; đánh giá về cắt giảm chi phí tuân thủ và những hiệu quả sau khi cắt giảm, đơn giản hóa): 0

Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định; tiếp tục triển khai thực hiện các quy định về tiếp nhận, xử lý những phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân đối với thủ tục hành chính và quy định hành chính liên quan.

b) Việc công khai thủ tục hành chính tại UBND xã: UBND xã đã niêm yết công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Bộ phận một cửa; hình thức niêm yết bằng “Bảng niêm yết gắn trên tường”, vị trí, hình thức, cách thức niêm yết thuận lợi cho việc tìm hiểu, trao đổi, ghi chép, tra cứu thông tin về TTHC, theo kế hoạch kiểm soát TTHC và tự kiểm tra công tác CCHC. Cán bộ, công chức chuyên môn thường xuyên thực hiện việc rà soát, cập nhật, niêm yết bổ sung hoặc thay thế các thủ tục, thành phần TTHC khi có thay đổi.

- Tổng số TTHC được công khai: 176
- Cấp xã: 142
- Số lượng TTHC thuộc các cơ quan ngành dọc đóng tại địa phương: 34 (Trong đó 14 TT thuộc Quân sự; 20 thuộc Công an)

c) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Các thủ tục hành chính được niêm yết công khai, minh bạch, thuận tiện cho việc theo dõi, tra cứu và giám sát của công dân. UBND xã đã thực hiện việc công khai các quy định, quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một

cửa liên thông. Kết quả giải quyết các thủ tục hành chính, cụ thể như sau: Số hồ sơ tiếp nhận 259 hồ sơ, giải quyết 259 hồ sơ, trong đó trả trước hạn 258 hồ sơ, đúng hạn 0 hồ sơ, quá hạn 01 hồ sơ. Số hồ sơ giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông 259 hồ sơ, đạt 100% tổng số hồ sơ tiếp nhận giải quyết. Số hồ sơ thực hiện dịch vụ công mức độ 3,4 là 258/259 hồ sơ phát sinh bằng 99,6% . Số hóa kết quả được 259/259 hồ sơ, đạt 100%, số hóa thành phần hồ sơ 259/259 hồ sơ, đạt 100%.

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa: Gồm 06 máy tính, 03 máy in, 02 máy scan. Cơ sở vật chất đảm bảo, trang thiết bị đầy đủ đảm bảo cho việc thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Các chế độ hỗ trợ công chức được quan tâm.

Trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính, UBND xã không để xảy ra tình trạng sai sót, vi phạm trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa; đồng thời cũng không nhận được trường hợp khiếu nại, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã.

Các thủ tục hành chính đã giải quyết được lưu trữ vào hệ thống sổ sách theo quy định, riêng lĩnh vực hộ tịch được giải quyết và lưu trữ đồng thời trên sổ sách và trên phần mềm. Công chức làm việc tại bộ phận một cửa thường xuyên cập nhật hồ sơ vào phần mềm một cửa liên thông đảm bảo đúng quy trình tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

- Trong quá trình giải quyết Thủ tục hành chính, các bộ phận chuyên môn thường xuyên khảo sát, lấy ý kiến người dân và tổ chức, kết quả có 259 người dân được lấy ý kiến, 100% ý kiến đều hài lòng và đánh giá cao chất lượng giải quyết TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Thực hiện theo đúng các quy định của Trung ương, Tỉnh, Huyện về công tác sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính cấp xã và thôn.

Tổng số biên chế được giao trong năm 20, (hiện có 10 cán bộ, 9 công chức). *còn thiếu chức danh công chức văn hóa xã hội làm văn hóa thể dục thể thao do đồng chí công chức Văn hoá - Xã hội, làm công tác Lao động - Thương binh và xã hội thuộc UBND Tiên Động, Kiêm nhiệm).*

Đối với cán bộ không chuyên trách từ xã đến thôn: cán bộ không chuyên trách cấp xã còn 12 người đảm nhiệm, cán bộ không chuyên trách ở thôn còn 14 người đảm nhiệm.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Cán bộ, công chức UBND xã cơ bản đáp ứng về trình độ, năng lực, phẩm chất chính trị theo yêu cầu vị trí việc làm và trong quá trình thực thi công vụ. Hiện tại, xã có 19 cán bộ, công chức (*trong đó: có 10 cán bộ, 9 công chức*) cụ thể:

- Cán bộ cấp xã có 10 người, trong đó:

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ 2/10 = 20 %, Đại học 6/10 đồng chí = 60%, Cao đẳng 1/10 = 10% và 01 ch a qua ào tạo = 10%.

+ Lý luận chính trị: Cao cấp 1/10= 10%, Trung cấp 8/10 đồng chí = 80%, Sơ cấp 1/10= 10 %.

- Công chức xã có 9 người: (Hiện tại xã còn thiếu 01 công chức văn hóa - xã hội làm công tác văn hóa, thông tin - thể dục, thể thao đang kiêm nhiệm).

+ Trình độ chuyên môn: Đại học 9/9 đồng chí = 100%.

+ Lý luận chính trị: Trung cấp 5/9 đồng chí = 55,55%, 2 đồng chí đang học lớp trung cấp lý luận chính trị mở tại Trung chính trị huyện Tứ Kỳ.

Ngày 16/02/2023, UBND xã ban hành Kế hoạch số 04/ KH-UBND về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; nâng cao đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức. Nhìn chung, cán bộ, công chức UBND xã đã chấp hành nghiêm nội quy, quy chế làm việc, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, không lạm dụng và không đùn đẩy công việc thuộc thẩm quyền, trách nhiệm cho người khác. Cấp dưới phải thực hiện nghiêm sự chỉ đạo, điều hành, yêu cầu của cấp trên. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo và các nội dung chỉ đạo theo yêu cầu của cấp trên đảm bảo tiến độ, chính xác, chất lượng. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc công chức thực hiện nhiệm vụ, các văn bản chỉ đạo của lãnh đạo UBND xã giao. Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đúng giờ giấc làm việc, trang phục công sở, văn hóa ứng xử nơi công sở, đeo thẻ cán bộ, công chức; ý thức trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân tận tình, chu đáo. Thường xuyên đôn đốc thực hiện Quy chế làm việc của UBND xã; nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời đối với cán bộ, công chức nếu không chấp hành nghiêm kỷ cương, kỷ luật hành chính trong thực thi công vụ. Quý III năm 2023 xã không có cán bộ, công chức vi phạm phải xử lý kỷ luật.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức luôn được xã quan tâm, luôn tạo mọi điều kiện để cán bộ, công chức tham gia học tập với nhiều hình thức như học tập trung, ngắn hạn, tại chức; UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 20/02/2022 về đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2023.

Trong Quý III đã cử 36 đồng chí là cán bộ Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Khuyến học, Đoàn Thanh niên, MTTQ xã, Khối Dân vận, Hội viên hội Chữ thập đỏ và 01 đồng chí tham gia học lớp sơ cấp lý luận tại Trung tâm Chính trị huyện. Cử 7 cán bộ, công chức tham gia lớp tập huấn CCHC (về giải quyết TTHC trực tuyến mức độ 3,4 tại huyện).

5. Cải cách Tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được tỉnh giao: Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch nhà nước cấp trên giao

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công:

Tiến độ giải ngân nguồn kinh phí theo dự án được duyệt còn chậm do nguồn thu tiền sử dụng đất của xã không có

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12

năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Ngay từ đầu năm công chức chuyên môn đã tham mưu cho UBND xã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công; giao tài sản cho các bộ phận, cá nhân quản lý để thực hiện nhiệm vụ của UBND xã. Việc quản lý tài sản được thực hiện ở các khâu: mua sắm, sử dụng, sửa chữa, điều chuyển, thanh lý và phải làm đúng theo quy định này và các quy định khác của Nhà nước

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại cơ quan, đơn vị:

Về biên chế:

- + Biên chế được giao: 20 biên chế

- + Biên chế có mặt: 19 biên chế

- + Số biên chế giảm là: 01

- Tổng kinh phí được giao năm 2023 là: 4.852.000.000 đồng

Số kinh phí tiết kiệm theo dự toán: 69.000.000 đồng

Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính cho tất cả các bộ phận, ban ngành, đoàn thể đều thực hiện tốt theo kế hoạch, chủ động trong công tác quản lý và chi tiêu tài chính nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức trong cơ quan luôn an tâm công tác, hoàn thành nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, hiệu quả công việc, giải quyết công việc và quy trình xử lý công việc được chủ động, thuận lợi.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Các công chức, bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã đều được trang bị các thiết bị công nghệ thông tin để phục vụ công việc như: Máy vi tính, máy in, máy scan: trang bị 20 máy tính cho cán bộ công chức, các ngành, đoàn thể đạt tỉ lệ 100%; có một máy scan phục vụ cho việc scan các văn bản để số hóa.

- UBND xã có kết nối mạng LAN, mạng Internet tốc độ cao phục vụ công việc, trao đổi thông tin, nghiên cứu, học tập. Các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn xã đều sử dụng đường truyền Internet riêng.

- Một số máy tính của cán bộ, công chức, viên chức được cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền, có hệ thống tường lửa, giám sát truy nhập, truy cập trái phép bảo vệ an toàn mạng LAN, có hệ thống chống sét lan truyền bảo vệ mạng LAN, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác và sử dụng Internet có hiệu quả.

- Hiện nay, UBND xã có Trang thông tin điện tử (TTĐT) thực hiện ứng dụng CNTT vào công tác phục vụ nhân dân và doanh nghiệp; cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử. Triển khai việc cung ứng các dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, tiến tới dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, tích hợp lên Cổng dịch vụ công của huyện để phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho doanh nghiệp và người dân nhận thức và hiểu biết về các dịch vụ hành chính trên Cổng thông tin điện tử huyện, tỉnh.

- Trang TTĐT của UBND xã đã được tích hợp với Cổng thông tin điện tử của huyện, tỉnh; công tác chỉ đạo, điều hành của UBND được cập nhật lên Trang TTĐT, nhằm truyền tải nội dung thông tin kịp thời đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn.

- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính theo cơ chế "Một cửa" ứng dụng phần mềm hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa phát huy hiệu quả, đã tạo thuận lợi cho người dân và các cơ quan, đơn vị trong việc kiểm tra, giám sát công chức thực thi công vụ và nâng cao tính công khai, minh bạch.

- Bộ phận một cửa và một cửa liên thông: Năm 2023, Bộ phận quản lý trang TTĐT và Bộ phận một cửa, một cửa liên thông đã chuyển đổi và nâng cấp Trang TTĐT đáp ứng nhiệm vụ quản lý trên các hoạt động: Cập nhật văn bản chỉ đạo điều hành, cung cấp thông tin của địa phương, phục vụ công tác CCHC.

- Triển khai ứng dụng CNTT vào công tác phục vụ nhân dân tại Bộ phận một cửa của UBND.

- Các phần mềm ứng dụng chuyên ngành: Phần mềm Quản lý văn bản điều hành, phần mềm Autocard, phần mềm một cửa điện tử, phần mềm quản lý người có công, phần mềm trẻ em, phần mềm dữ liệu quốc gia về quản lý hộ nghèo, hộ bảo trợ xã hội, phần mềm quản lý hộ tịch, phần mềm Missa...

- Về kỹ năng sử dụng máy tính: Cán bộ, công chức UBND đều sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm hỗ trợ khác như phần mềm văn phòng Word, Excel...

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Quý III năm 2023, UBND xã đã tiếp tục tập trung xây dựng kế hoạch, quán triệt và triển khai đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ trong công tác cải cách hành chính, bước đầu có chuyển biến tích cực hiệu quả, mức độ hoàn thành TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử mang lại hiệu quả và đạt một số kết quả nêu trên.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đạt hiệu quả chưa cao;

Công tác phối hợp trong giải quyết hồ sơ liên thông vẫn còn hạn chế, nhất là việc tích trả hồ sơ về cho cơ quan chủ trì của các cơ quan liên quan. Trong quý III/2023 có 01 hồ sơ trễ hạn.

- Ngân sách nhà nước bố trí hoạt động ứng dụng CNTT còn hạn chế.

- Định mức khoán hiện nay còn thấp; nên không thực hiện được tiết kiệm chi.

- Việc triển khai thu phí điện tử trên môi trường mạng đồng thời với việc nộp hồ sơ trực tuyến dịch vụ công còn khó khăn, do công dân không mang thẻ, không sử dụng thẻ ATMnên không thực hiện được việc nộp phí, lệ phí điện tử.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ IV/2023

1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền và triển khai đồng bộ các nội dung cải cách hành chính theo các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện về cải cách hành chính nhà nước; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính.

2. Tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ trong Kế hoạch cải cách hành chính của UBND xã năm 2023; thực hiện tốt công tác tự kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương. Triển khai thực hiện có hiệu quả hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và rà soát thủ tục hành chính.

3. Nâng cao chất lượng thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại cơ quan.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước; áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của cơ quan.

5. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí đối với cơ quan.

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính Quý III/2023 của UBND xã Tiên Động./.

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Đảng ủy,
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- Công chức UBND xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thương

PHỤ LỤC

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ XÃ TIỀN ĐỘNG

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	8/8	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	26	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	20	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số tổ chức đã kiểm tra	Tổ chức	0	
3.2.	Số cá nhân đã kiểm tra	Cá nhân	0	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề qua kiểm tra	%	0	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu		
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1		

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Tổng số Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành			
1.1.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành Văn bản	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPP đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>		
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp huyện	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>		
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Thống kê TTHC	Thủ tục		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	164	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	176	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		17	
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	17	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,6	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>259</i>	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>258</i>	

3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,6	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	259	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	258	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	0	

Biểu mẫu 4
Cải cách bộ máy hành chính nhà nước

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ các tổ chức đã hoàn thành việc sắp xếp cơ cấu tổ chức và bố trí các bộ phận chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	19	
1.2.	Số tổ chức liên ngành do cấp xã thành lập	Tổ chức	0	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	20	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại UBND cấp xã	Người	0	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10	
3.	Số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, khu dân cư			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	26	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	26	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	9	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	16	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Vị trí việc làm của công chức			
1.1.	Số cán bộ, công chức đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cán bộ, công chức	19	
1.2.	Số cán bộ, công chức đã được bố trí theo đúng vị trí việc làm theo quy định	Cán bộ, công chức	19	
1.3.	Số cán bộ, công chức không được bố trí theo đúng vị trí việc làm theo quy định	Cán bộ, công chức	0	
2.	Tuyển dụng công chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	0	
3.	Số lượng cán bộ, công chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
3.1.	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
3.2.	Số công chức cấp xã bị kỷ luật	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	1.000	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của cơ quan, đơn vị tại địa phương (lấy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
2.2.	Số Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.	Số Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	Số Đơn vị tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số Đơn vị tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số Đơn vị tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6.	Số lượng Đơn vị đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lấy kể đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Biểu mẫu 7
Xây dựng chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(sử dụng cho kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số lượng/ Tỷ lệ	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0	1	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		100	
5.1.1.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
6.4.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	167	
6.4.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>		
6.4.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	0	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	0	
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực</i>	<i>Thủ tục</i>	04	

	<i>tuyển mức độ 4</i>			
6.5.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>05</i>	
6.5.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>		
6.6.	<i>Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>%</i>		
6.6.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>		
6.6.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>		
6.7.	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)</i>	<i>%</i>	<i>259</i>	
6.7.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>259</i>	
6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>259</i>	
6.8.	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	<i>%</i>	<i>0</i>	
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>0</i>	
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>0</i>	